TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NH** **TỈNH KH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2023/HNGĐ-ST
Ngày 29 tháng 3 năm 2023
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NH, TỈNH KH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Trung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Lơn

Bà Nguyễn Thị Xuân Mai

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đoàn Vũ Kim Kúc - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã NH, tỉnh KH.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã NH, tỉnh KH tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã NH, tỉnh KH xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 849/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2023/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2023, giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm: 1993

Nơi cư trú: Thôn TT, xã NQ, thị xã NH, tỉnh KH. Vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Ông Trần Anh Q, sinh năm 1986

Nơi cư trú: Thôn TT, xã NQ, thị xã NH, tỉnh KH. vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày: Bà và ông Trần Anh Q tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NQ năm 2013. Quá trình chung sống, đã có với nhau một con chung là Trần Anh T, sinh ngày 28/01/2014. Thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do tính tình và quan điểm sống không hòa hợp, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm tới ai từ năm 2017 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Anh Q.

Về con chung: Bà đồng ý giao con chung chưa thành niên cho ông Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Bà không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn biên bản lấy lời khai ngày 28/3/2022, bị đơn ông Trần Anh Q trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị D tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NQ năm 2013. Nay bà D xin ly hôn, ông đồng ý vì vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 nên tình cảm vợ chồng không còn. Ông xin được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung chưa thành niên Trần Anh T, sinh ngày 28/01/2014 và không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết. Ông Trần Anh Q đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập được gồm: Giấy chứng nhận kết hôn (bản trích lục kết hôn bản sao); Giấy khai sinh Trần Anh Tuấn (bản sao); Căn cước công dân Nguyễn Thị D (bản sao); biên bản xác minh tình trạng hôn nhân; biên bản xác minh hộ khẩu thường trú của ông Trần Anh Q; biên bản niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã NH, tỉnh KH phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt nhưng đã có ý kiến trình bày trong biên bản lấy lời khai ngày 28/3/2023, yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị D được ly hôn với ông Trần Anh Q; Về con chung: Ông Trần Anh Q xin được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi Dỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là Trần Anh Tuấn, sinh ngày 28/01/2014 và không yêu cầu bà D phải cấp dưỡng nuôi con chung, cháu Tuấn có nguyện vọng được ở với ông Q là phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận; Về tài sản chung, nợ chung: Bà D, ông Q đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Bị đơn ông Trần Anh Q, cư trú tại: Thôn TT, xã NQ, thị xã NH, tỉnh KH nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã NH, tỉnh KH theo quy định tại

khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt nhưng đã có ý kiến trình bày trong biên bản lấy lời khai ngày 28/3/2023 nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị D và ông Trần Anh Q tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã NQ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 126, ngày 04 tháng 12 năm 2013 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, bà D và ông Q thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do tính tình và quan điểm sống không hòa hợp, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm tới ai từ năm 2017 cho đến nay. Bà D và ông Q đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông bà được ly hôn. Như vậy, có thể thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà D và ông Q đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hạnh phúc, dân chủ, hòa thuận và bền vững không đạt được; yêu cầu xin ly hôn của bà D là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị D và ông Trần Anh Q có một con chung chưa thành niên là Trần Anh T, sinh ngày 28/01/2014. Ông Trần Anh Q xin được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi Dỡng, giáo dục con chung chưa thành niên và không yêu cầu bà D phải cấp Dỡng nuôi con chung, cháu Tuấn có nguyện vọng được ở với ông Q. Xét thấy, yêu cầu của ông Q và nguyện vọng của cháu Tuấn là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị D và ông Trần Anh Q đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Xét quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã NH là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị D được ly hôn ông Trần Anh Q.

1.2. Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là Trần Anh T, sinh ngày 28/01/2014 cho ông Trần Anh Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi Dỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Ông Q không yêu cầu bà D cấp Dỡng nuôi con chung.

Bà D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp Dỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị D và ông Trần Anh Q đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị D phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005455 ngày 29/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã NH. Bà Nguyễn Thị D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. *Quy định chung*: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh KH;
- VKSND thị xã NH;
- Chi cục THADS thị xã NH;
- UBND xã NQ (GCNKH số 126 ngày 04/12/2013);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Viết Trung